

Số: 731 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện các đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học”;

Căn cứ Quy định số 856/QĐ-MĐC ngày 03/7/2017 về việc “Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất”;

Căn cứ nhu cầu kinh phí của chủ nhiệm đề tài và khả năng hỗ trợ kinh phí cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2018 của Nhà trường;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 17 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở đợt I (danh mục kèm theo) được thực hiện trong năm 2018.

Điều 2. Tổng kinh phí thực hiện là 518.548.100 đồng (Năm trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng) (có danh mục kèm theo). Trong đó:

+ 405.000.000 đồng (Bốn trăm linh năm triệu đồng) lấy từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

+ 113.548.100 đồng (một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng) lấy từ nguồn khác (kinh phí đối ứng của các đề tài).

Điều 3. Chủ nhiệm các đề tài có nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo thuyết minh đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phải hoàn thành báo cáo tổng kết, nghiệm thu kết quả nghiên cứu, thanh quyết toán kinh phí trước ngày 31/5/2019.

Điều 4. Các Khoa và các Bộ môn chủ quản có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các Khoa, Trưởng các Bộ môn và chủ nhiệm các đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, KHQT (3).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An

**DANH MỤC ĐỀ TÀI/NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ NĂM 2018**

(kèm theo Quyết định số: 781/MĐC-KHQT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

STT	Tên đề tài	Tên chủ nhiệm	Mã số	Đơn vị công tác	Kinh phí Nhà trường hỗ trợ thực hiện đề tài (đồng)	Nguồn khác (đồng)	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)
1	Nghiên cứu đề xuất thuật toán phân tách tiếng nói từ tín hiệu thu âm có nhiễu ở mức cao để hỗ trợ hệ thống nhận dạng tiếng nói trong môi trường nhiễu.	Dương Thị Hiền Thanh ✓	T18-01	BM. Tin học kinh tế	25 000 000		25 000 000
2	Nghiên cứu phát triển phần mềm tính toán dòng chảy hai pha khí-lỏng trong ống thẳng dựa trên các mô hình lý thuyết hiện tại để hiện đại hóa quá trình tính toán trong quá trình khai thác dầu khí	Nguyễn Như Hùng	T18-02	BM. Sức bền vật liệu	25 000 000	60 000 000	85 000 000
3	Nghiên cứu tuyển quặng Cromit Cổ Định – Thanh Hóa cỡ hạt mịn bằng thiết bị tuyển siêu trọng lực Knelson và bàn đãi bùn	Lê Việt Hà	T18-03	BM. Tuyển khoáng	25 000 000		25 000 000
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của lưu lượng nước và độ thông khí đến quá trình rơi của các hạt khoáng có tỷ trọng khác nhau trong thiết bị tuyển nổi dòng nước ngược	Phạm Thị Nhung	T18-04	BM. Tuyển khoáng	25 000 000		25 000 000
5	Nghiên cứu cải tiến biên dạng rotor bơm thủy để nâng cao hiệu suất bơm	Nguyễn Thanh Tùng ✓	T18-05	BM. Kỹ thuật cơ khí	25 000 000		25 000 000
6	Nghiên cứu mối quan hệ giữa mức độ rò gió với một số thông số của ống gió sử dụng trong thông gió khi đào đường lò ở mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh	Đặng Phương Thảo	T18-06	BM. Khai thác hầm lò	25 000 000		25 000 000

STT	Tên đề tài	Tên chủ nhiệm	Mã số	Đơn vị công tác	Kinh phí Nhà trường hỗ trợ thực hiện đề tài (đồng)	Nguồn khác (đồng)	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)
7	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp ESR trong định tuổi hoạt động đứt gãy hiện đại, lấy ví dụ khu vực Quảng Nam	Vũ Anh Đạo	T18-07	BM. Địa chất	30 000 000		30 000 000
8	Nghiên cứu phát triển mô hình ba chiều điều kiện địa chất công trình khu vực Hà Nội	Nhữ Việt Hà	T18-08	BM. Địa chất công trình	30 000 000	17 846 400	47 846 400
9	Nghiên cứu thành phần hóa học loài Vitex trifolia	Nguyễn Thị Kim Thoa	T18-09	BM. Hóa	25 000 000		25 000 000
10	Nghiên cứu xây dựng quy trình đánh giá các mô hình thống kê cho dữ liệu RADAR độ mở tổng hợp	Lê Thu Trang	T18-10	BM. Đo ảnh và viễn thám	25 000 000		25 000 000
11	Nghiên cứu nâng cao độ chính xác của mô hình số độ cao DEM dạng grid bằng mạng nơ ron Hopfield	Nguyễn Thị Thu Hương	T18-11	BM. Trắc địa phổ thông và sai số	25 000 000		25 000 000
12	Nghiên cứu, xây dựng phương pháp đánh giá các chỉ số mức độ phơi lộ thiên tai thường gặp bằng GIS kết hợp phân tích đa chỉ tiêu phục vụ cho đánh giá hiểm họa thiên tai tổng quát cho lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn	Dương Anh Quân	T18-12	BM. Bản đồ	30 000 000		30 000 000
13	Ứng dụng một số thư viện mã nguồn mở biểu diễn trực quan mô hình 3D thành phố trên nền Web	Lã Phú Hiến	T18-13	BM. Trắc địa phổ thông và sai số	25 000 000		25 000 000
14	Đánh giá vai trò của khí tự nhiên trong quá trình chuyển dịch năng lượng ở khu vực Châu Á đến 2050	Lê Minh Thống	T18-14	BM. Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí	20 000 000		20 000 000

STT	Tên đề tài	Tên chủ nhiệm	Mã số	Đơn vị công tác	Kinh phí Nhà trường hỗ trợ thực hiện đề tài (đồng)	Nguồn khác (đồng)	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)
15	Xây dựng mô hình dự báo dòng tiền và lựa chọn mô hình xác định ngân quỹ tối ưu cho các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Oanh	T18-15	BM. Kế toán doanh nghiệp	15 000 000	10 000 000	25 000 000
16	Ảnh hưởng của sự hài lòng trong công việc đến cam kết với tổ chức của công nhân sản xuất trực tiếp trong các doanh nghiệp khai thác than hầm lò khu vực Quảng Ninh	Nguyễn Đức Thắng	T18-16	BM. Quản trị doanh nghiệp mỏ	15 000 000	25 701 700	40 701 700
17	Nghiên cứu giải pháp tăng cường huy động vốn cho đầu tư phát triển than của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2030	Lưu Thị Thu Hà	T18-17	BM. Kế toán doanh nghiệp	15 000 000		15 000 000
					405 000 000	113 548 100	518 548 100
	Tổng						